

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2270/QĐ-ĐHTM ngày ...20.../12.../2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Công nghệ tài chính ngân hàng Banking and Finance Technology
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Tài chính – Ngân hàng
Mã ngành:	7340201
Chuyên ngành đào tạo:	Công nghệ tài chính ngân hàng
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo (CTĐT) cử nhân chuyên ngành Công nghệ tài chính ngân hàng là CTĐT định hướng ứng dụng, đào tạo cử nhân có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội và pháp luật; có kiến thức cơ bản và chuyên sâu, kỹ năng chuyên nghiệp về công nghệ tài chính ngân hàng.

Sinh viên chuyên ngành Công nghệ tài chính ngân hàng sau khi tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu của giới tuyển dụng và các bên liên quan trong thực tiễn chuyển đổi số và phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo tại các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính phi ngân hàng, các doanh nghiệp phi tài chính; có năng lực học tập, nghiên cứu ở các bậc học cao hơn tại các cơ sở đào tạo sau đại học trong và ngoài nước; có kỹ năng học tập có chủ đích xuyên suốt cuộc sống cá nhân để thúc đẩy sự phát triển liên tục và nâng cao kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ cho công việc và cuộc sống.

Mục tiêu cụ thể:

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Công nghệ tài chính ngân hàng có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, an ninh quốc phòng và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc chuyên môn; có kiến thức nền tảng về công nghệ tài chính - tiền tệ - ngân hàng, có khả năng vận dụng tốt các kiến thức đó để giải quyết các vấn đề cụ thể về quản trị ngân hàng thương mại, quản trị tổ chức tài chính phi ngân hàng, quản trị tài chính doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển công nghệ; có kiến thức cơ sở ngành để phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kế toán, kinh doanh, quản trị và quản lý;

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Công nghệ tài chính ngân hàng có kỹ năng dẫn dắt, truyền đạt vấn đề, phổ biến kiến thức; kỹ năng thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trong lĩnh vực Công nghệ tài chính ngân hàng; có kỹ năng phân biện, sáng tạo trong sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường thay đổi; có kỹ năng làm việc nhóm, đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Công nghệ tài chính ngân hàng có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ pháp luật, trung thực, khách quan, năng động, tự chủ, sáng tạo; có động lực và kiến thức về đổi mới sáng tạo và khởi sự kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ tài chính ngân hàng.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Kiến thức

(PLO1) Vận dụng tốt các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật; công nghệ thông tin và ngoại ngữ để giải quyết vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Công nghệ tài chính ngân hàng.

(PLO2) Vận dụng tốt các kiến thức cơ sở ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ tài chính – ngân hàng và các lĩnh vực kinh tế - kinh doanh – quản trị có liên quan.

(PLO3) Vận dụng tốt các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về thị trường tài chính, quản trị kinh doanh dịch vụ tài chính, tài chính doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ đổi mới sáng tạo trong giải thích, phân tích, đánh giá, phân biện và giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực công nghệ tài chính – ngân hàng.

2.2. Kỹ năng

(PLO4) Thực hiện thành thạo việc thu thập, xử lý dữ liệu trong phát hiện, phân tích và đưa ra giải pháp dựa trên dữ liệu nhằm giải quyết các vấn đề Công nghệ tài chính ngân hàng trong môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế.

(PLO5) Thực hiện thành thạo việc phân tích quy trình kinh doanh dịch vụ tài chính số, quản lý tài chính – ngân hàng, các kỹ năng số trong bối cảnh đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.

(PLO6) Thực hiện thành thạo việc giao tiếp và hợp tác với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề chuyên môn công nghệ tài chính ngân hàng; sử dụng thành thạo ngoại ngữ chuyên ngành và các công cụ truyền thông hiện đại, biết lắng nghe, thuyết phục, thương lượng và giải quyết xung đột.

(PLO7) Thực hiện được việc tự học, cập nhật và ứng dụng kiến thức mới, nghiên cứu và phát triển các ý tưởng sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực công nghệ tài chính ngân hàng.

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

(PLO8): Đáp ứng tốt các yêu cầu cẩn trọng, tận tâm và chuyên cần khi thực hiện nhiệm vụ cá nhân và làm việc nhóm trong thực hiện các công việc chuyên môn, các nhiệm vụ kinh doanh, quản trị thuộc lĩnh vực công nghệ tài chính ngân hàng.

(PLO9): Đáp ứng tốt các yêu cầu tuân thủ, trung thực và liêm chính trong thực hiện các công việc chuyên môn, các nhiệm vụ kinh doanh, quản trị thuộc lĩnh vực công nghệ tài chính ngân hàng.

(PLO10): Đáp ứng tốt các yêu cầu chủ động, sáng tạo, thích ứng và bảo mật thông tin trong thực hiện các công việc chuyên môn, các nhiệm vụ kinh doanh, quản trị trong lĩnh vực công nghệ tài chính ngân hàng.

2.4. Ngoại ngữ, tin học

(PLO11): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

(PLO12): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý của Trường Đại học Thương mại.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

4. Đối tượng tuyển sinh

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

Bước 1. Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

Bước 2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trường Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Bước 3. Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

Bước 4. Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

Bước 5. Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

6. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

7. Nội dung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã học phần	Số TC	Cấu trúc
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		40	
1.1	Giáo dục đại cương		29	
1.1.1	Các học phần bắt buộc		27	
1	Triết học Mác - Lê Nin	MLNP0221	3	36,18
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	RLCP1211	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCMIO111	2	24,12
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	HCMIO131	2	21,18

5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	HCMIO121	2	24,12
6	Pháp luật đại cương	TLAW0111	2	24,12
7	Tiếng Anh 1	ENTH1411	2	24,12
8	Tiếng Anh 2	ENTH1511	2	24,12
9	Tiếng Anh 3	ENTH1611	2	24,12
10	Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản	INFO3511	3	36,18
11	Phương pháp nghiên cứu khoa học	SCRE0111	2	24,12
12	Kinh tế lượng	AMAT0411	3	36,18
1.1.2	Các học phần tự chọn		2	
	<i>Chọn 02 TC trong các HP sau:</i>			
1	Khởi sự kinh doanh	CEMG4111	2	24,12
2	Chuyển đổi số trong kinh doanh	PCOM1111	2	24,12
1.2	Giáo dục thể chất		3	
1.2.1	Các học phần bắt buộc		1	
	Giáo dục thể chất chung	GDTC1611	1	12,18
1.2.2	Các học phần tự chọn		2	
	<i>Chọn 02 TC trong các HP sau:</i>			
1	Cầu lông	GDTC0521	1	12,18
2	Bóng chuyền	GDTC0621	1	12,18
3	Bóng ném	GDTC0721	1	12,18
4	Bóng bàn	GDTC1621	1	12,18
5	Cờ vua	GDTC1721	1	12,18
6	Bóng rổ	GDTC0821	1	12,18
1.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh		8	
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		91	
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		29	
2.1.1	Các học phần bắt buộc		16	
1	Tiếng Anh thương mại 1	ENTI3311	2	24,12
2	Tiếng Anh thương mại 2	ENTI3411	2	24,12
3	Kinh tế vi mô 1	MIEC0111	3	36,18
4	Kinh tế vĩ mô 1	MAEC0111	3	36,18
5	Nhập môn tài chính tiền tệ	EFIN2811	3	36,18
6	Định giá tài sản	EFIN3011	3	36,18
2.1.2	Các học phần tự chọn		13	
	<i>Chọn 13 TC trong các HP sau:</i>			
1	Học máy	DECO0311	3	36,18
2	Lập trình với Python	INFO4511	3	36,18
3	Sáng tạo và thiết kế nội dung	BMKT4111	3	30,30
4	Quản lý tài sản trí tuệ	BRMG2312	3	36,18
5	Các công cụ trực quan hóa dữ liệu	INFO3211	3	0,90
6	Quản trị đổi mới sáng tạo	SMGM1111	3	36,18
7	Chính phủ điện tử	eCOM1311	2	24,12
8	Luật sở hữu trí tuệ	PLAW2211	2	24,12
9	Cơ sở dữ liệu	INFO2311	2	24,12

10	Truyền thông kinh doanh	ECIT0211	2	24,12
2.2	Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)		39	
2.2.1	Các học phần bắt buộc		27	
1	Quản trị tài chính 1	FMGM0231	3	36,18
2	Quản trị ngân hàng thương mại 1	BKSC2011	3	36,18
3	Bảo hiểm	FMGM2311	3	36,18
4	Quản trị tài chính 2*	FMGM2521	3	34,12,5
5	Quản trị ngân hàng thương mại 2*	BKSC3121	3	34,12,5
6	Tiền mã hóa	EFIN4411	3	36,18
7	Ngân hàng số	BKSC3311	3	36,18
8	Công nghệ bảo hiểm	FMGM3211	3	36,18
9	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	INFO3611	3	36,18
2.2.2	Các học phần tự chọn		12	
	<i>Chọn 12 TC trong các HP sau:</i>			
1	Thuế	EFIN3211	3	36,18
2	Thị trường chứng khoán	BKSC2311	3	36,18
3	Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng	FMGM2211	3	36,18
4	Tài chính vi mô	EFIN2921	3	36,18
5	Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu	BKSC2411	3	36,18
6	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	FMGM2411	3	36,18
7	Tài chính quốc tế	BKSC0611	3	36,18
8	Tài chính công	EFIN3021	3	36,18
2.3	Kiến thức bổ trợ		13	
2.3.1	Các học phần bắt buộc		9	
1	Phân tích dữ liệu lớn	EDAN0511	3	36,18
2	Khai phá dữ liệu trong kinh doanh	INFO2111	3	36,18
3	An toàn và bảo mật thông tin	ECIT0921	3	36,18
2.3.2	Các học phần tự chọn		4	
	<i>Chọn 04 TC trong các HP sau:</i>			
1	Các hệ thống thông tin và quy trình kinh doanh	INFO3411	2	24,12
2	Quản trị kênh phân phối	BLOG2111	2	24,12
3	Tài chính khởi nghiệp	FMGM2611	2	24,12
4	Quản trị thương hiệu điện tử	BRMG2311	2	24,12
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học		10	
1	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	REPH1911	3	0,90
2	Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp	LVVH2011	7	0,210

Ghi chú: Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ với 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh. Trong 120 TC học tập và tốt nghiệp có 89 tín chỉ bắt buộc (74,2%) và 31 tín chỉ tự chọn (25,8%).

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỶ I	Khối kiến thức GDĐC	9-10TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	03TC
		Tổng cộng	12-13TC
2	KỶ II	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	6-8TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	15-16TC
3	KỶ HÈ NĂM NHẤT	Giáo dục quốc phòng – an ninh	08 TC
4	KỶ III	Khối kiến thức GDĐC	04 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	11-12 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	16-17 TC
5	KỶ IV	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	3-6TC
		Khối kiến thức chuyên ngành	3-6TC
		Tổng cộng	15-17 TC
6	KỶ V	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức chuyên ngành	12-15 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	15-17TC
7	KỶ VI	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức chuyên ngành	05-06 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	09 TC
		Tổng cộng	16-17TC
8	KỶ VII	Khối kiến thức chuyên ngành	13-15 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	03 TC
		Tổng cộng	16-18TC
9	KỶ VIII	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp	10TC
10	TỔNG CỘNG		131TC

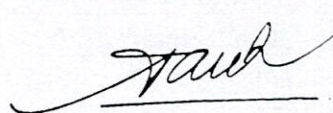
Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS Phạm Tuấn Anh

PHỤ LỤC:

MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu và tóm tắt nội dung chính của các học phần trong chương trình đào tạo

Tên học phần	Mục tiêu của học phần	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
Triết học Mác - Lênin	<p>Học phần Triết học Mác-Lênin nhằm giúp cho sinh viên nắm vững thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng và quan điểm duy vật về lịch sử của triết học Mác – Lênin. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức triết học Mác – Lênin vào trong hoạt động nhận thức và thực tiễn</p>	<p>Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người</p>
Kinh tế chính trị Mác – Lênin	<p>Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp người học hiểu và nhận thức được những quy luật chi phối sự sản xuất, trao đổi sản phẩm trong đời sống kinh tế - xã hội. Tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương hướng cho sự hình thành các chính sách kinh tế, định hướng chiến lược cho sự phát triển kinh tế nói riêng và thúc đẩy văn minh xã hội nói chung. - Giúp người học hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam. - Góp phần giúp sinh viên hình thành trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường. Đồng thời xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin với sinh viên. 	<p>Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.</p> <p>Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư).</p> <p>Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.</p> <p>Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.</p> <p>Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình</p>
Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>Truyền thụ cho sinh viên nội dung hệ thống quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Giúp người học nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư</p>	<p>Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí</p>

	<p>tướng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ.</p>	<p>Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.</p>
<p>Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p>	<p>Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Qua đó nâng cao nhận thức, giáo dục lý tưởng cho sinh viên; góp phần củng cố, bồi đắp niềm tin của thế hệ trẻ vào sự lãnh đạo của Đảng.</p> <p>Giúp sinh viên hiểu được quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; cơ sở hình thành và nội dung đường lối của Đảng; cũng như quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện đường lối đó từ thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến thời kỳ cách mạng XHCN. Củng cố và phát triển cho sinh viên năng lực tư duy lịch sử, khả năng vận dụng kiến thức đã học vào lý giải các vấn đề thực tiễn. Bồi dưỡng niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>	<p>Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng</p>
<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học</p>	<p>Học phần trang bị những tri thức khoa học để luận giải sự ra đời tất yếu của CNXH, những nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong quá trình xây dựng CNXH nói chung và ở Việt Nam nói riêng; cung cấp những căn cứ khoa học để phân biệt những nhận thức sai lệch và sự chống phá của các thế lực thù địch. Thông qua học phần xây dựng và củng cố niềm tin lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho người học; tạo niềm tin vững chắc vào con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, từ đó góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta</p>	<p>Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta</p>
<p>Pháp luật đại cương</p>	<p>Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc trong chương trình học của sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau tại Trường Đại học Thương mại (trừ chuyên ngành Luật kinh tế).</p>	<p>Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ chương trình</p>

	<p>Học phần nhằm giới thiệu cho người học một số nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, có sự liên hệ thực tiễn với Nhà nước và pháp luật CHXHCN Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của một số ngành luật khác như Luật dân sự, Luật hình sự và Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng</p>	<p>đào tạo của ngành Luật kinh tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng</p>
Tiếng Anh 1	<p>Sau khi học xong học phần này, người học được tổng hợp và củng cố lại những kiến thức cơ bản về một số chủ điểm ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, đồng thời phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết. Học phần cung cấp cho người học cơ hội giao tiếp dựa trên các tình huống cụ thể giúp người học được thực hành và giúp họ bước đầu hình thành tư duy phân biện bằng tiếng Anh.</p>	<p>Học phần “Tiếng Anh 1” gồm 4 bài đầu của giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phân biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn</p>

		hoá của nhiều quốc gia trên thế giới
Tiếng Anh 2	<p>Học phần giúp sinh viên củng cố lại những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết, bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng tiếng Anh.</p> <p>Học phần giúp sinh viên rèn luyện 4 kỹ năng tiếng Anh cơ bản (Nghe, Nói, Đọc, Viết), củng cố kiến thức ngữ pháp về các cách diễn đạt hành động trong tương lai, phân biệt thời hiện tại hoàn thành và thời quá khứ đơn, câu điều kiện loại 0 và loại 1, mệnh đề quan hệ, v.v. và cung cấp từ vựng chung liên quan đến các chủ đề như: Môi trường; Các giai đoạn trong cuộc đời; Công việc; Công nghệ; giải quyết các tình huống đơn giản nhằm phục vụ cho việc giao tiếp Tiếng Anh nói chung cũng như tiếng Anh phục vụ công việc sau này như: đặt hàng qua điện thoại, lời mời, chấp nhận và từ chối lời mời, phỏng vấn việc làm, v.v. Ngoài ra, sinh viên thực hành kỹ năng thuyết trình tiếng Anh và làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, chuẩn bị tốt cho việc học tập tiếng Anh ở các học kỳ sau.</p>	<p>Học phần “Tiếng Anh 2” sử dụng bài 5,6,7,8 trong giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.</p>
Tiếng Anh 3	<p>Học phần trang bị kiến thức nền tảng về ngữ pháp, các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng nhằm giúp sinh viên đạt được trình độ B1, tạo nền tảng để sinh viên có thể học các học phần tiếp theo và có khả năng giao tiếp trong các tình huống kinh doanh thương mại trong môi trường công việc tương lai</p>	<p>Học phần được xây dựng dựa trên cuốn “Life” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên.</p> <p>Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2.</p> <p>Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học</p>
Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tin học để quản lý công việc, học tập. Cụ thể:</p> <p>+ Về kiến thức: Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về CNTT (phần cứng và phần mềm), máy tính điện tử, hệ điều hành, mạng máy tính và cách sử dụng một số phần mềm CNTT cơ bản như: hệ soạn thảo văn bản; trình diễn văn bản; tổ chức và xử lý dữ liệu. Ngoài ra sinh viên còn nắm được các kiến thức về một số ứng dụng</p>	<p>Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên tất cả các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng CNTT trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần để đáp ứng cho công việc sau này, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường Đại học Thương Mại. Học phần bao gồm các</p>

	<p>CNTT hiện đại như Chatbot; Chat GPT; Cloud Computing; ...</p> <p>+ Về Kỹ năng: Sinh viên có khả năng vận dụng một số thao tác cơ bản và nâng cao trong soạn thảo văn bản, phân tích dữ liệu, tổng hợp, thống kê, trình chiếu,..</p> <p>+ Về mức độ tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có tinh thần lao động say mê, sáng tạo; ý thức tự giác, nhiệt tình trong công việc; có ý thức trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.</p>	<p>khối kiến thức cơ bản về CNTT, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ liệu, và các vấn đề đương đại về CNTT trong môi trường số.</p>
<p>Phương pháp Nghiên cứu Khoa học</p>	<p>Mục tiêu chung: Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó sinh viên có thể hình thành kỹ năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu nhằm thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết khóa luận tốt nghiệp.</p> <p>Mục tiêu cụ thể</p> <p>+ Sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học</p> <p>+ Sinh viên hình thành các kỹ năng thiết kế, triển khai, thu thập, phân tích, tổng hợp dữ liệu, viết và trình bày báo cáo nghiên cứu.</p> <p>+ Sinh viên rèn luyện phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành tốt các trách nhiệm công dân; hình thành thái tích cực, chủ động và trung thực trong hoạt động nghiên cứu khoa học</p>	<p>Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.</p>
<p>Kinh Tế Lượng</p>	<p>Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản để phân tích định lượng mối quan hệ giữa các biến số kinh tế - xã hội bằng cách sử dụng mô hình hồi quy. Sinh viên được cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy, cách phân tích độ phù hợp về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình nhằm đưa ra các dự báo hữu ích. Người học cũng được cung cấp các kỹ năng thực hành trong phân tích hồi quy và có thể thực hiện các kỹ thuật phân tích hồi quy cơ bản với sự trợ giúp của các phần mềm chuyên dụng. Đây là kiến thức nền tảng hoặc hỗ trợ cho các học phần khác như: Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, ...</p>	<p>Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình</p>
<p>Khởi sự kinh doanh</p>	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể đánh giá và lựa chọn khởi sự kinh doanh như một định hướng nghề nghiệp; và thực hiện khởi sự hoạt động kinh doanh ở quy mô nhỏ</p>	<p>Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng</p>

		quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới
Chuyên đổi số trong kinh doanh	<p>- Mục tiêu chung: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về chuyên đổi số trong kinh doanh hiện đại gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ Kiến thức: Cung cấp những kiến thức về chuyên đổi số trong kinh doanh như khái niệm, lợi ích và trở ngại, các giai đoạn và quá trình chuyên đổi số trong doanh nghiệp, hạ tầng chuyên đổi số; đồng thời, giúp người học hiểu rõ ý nghĩa, đánh giá sự cần thiết và khả năng chuyên đổi số trong kinh doanh của các doanh nghiệp trong bối cảnh mới.</p> <p>+ Kỹ năng: Giúp người học hình thành ban đầu các kỹ năng phân tích và đánh giá các giai đoạn và quá trình chuyên đổi số nhằm thúc đẩy tiến trình chuyên đổi số trong kinh doanh của doanh nghiệp trong nền kinh tế số.</p> <p>+ Thái độ: Có ý thức học tập, tư duy sáng tạo, và nghị lực để hoàn thành tốt công việc; có văn hóa và đạo đức nghề nghiệp trong môi trường kinh doanh hiện đại; có ý thức kỷ luật, chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước.</p>	Là học phần thuộc bộ phận kiến thức cơ sở ngành thuộc khối ngành kinh tế và quản lý. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyên đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyên đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyên đổi số; hệ sinh thái của chuyên đổi số; các giai đoạn chuyên đổi số; quy trình chuyên đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyên đổi số và một số vấn đề khác của chuyên đổi số trong kinh doanh.
Tiếng Anh thương mại 1	Học phần trang bị cho người học vốn từ vựng chuyên ngành, kiến thức ngữ pháp và cơ hội rèn luyện các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp (intermediate) trong môi trường kinh doanh thương mại và phục vụ cho nghiên cứu, học tập ở các học phần sau.	Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.

Tiếng Anh thương mại 2	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng chuyên ngành, kiến thức ngữ pháp và cơ hội rèn luyện các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp để có thể giao tiếp thành thực bằng tiếng Anh trong môi trường kinh doanh thương mại.</p>	<p>Học phần Tiếng Anh thương mại 2 là sự tiếp nối học phần Tiếng Anh thương mại 1 được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.</p>
Kinh tế vi mô 1	<p>- Mục tiêu chung: Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản về kinh tế vi mô để sinh viên hiểu được cơ sở của việc ra các quyết định kinh tế tối ưu của người tiêu dùng và hãng sản xuất - kinh doanh trong điều kiện nguồn lực có hạn.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể: Trang bị cho sinh viên những căn cứ khoa học về hành vi của các tác nhân trong nền kinh tế như người tiêu dùng, doanh nghiệp và Chính phủ. Từ đó, giúp sinh viên hiểu được cơ chế hoạt động của thị trường trong việc hình thành giá cả của hàng hoá - dịch vụ và phân bổ nguồn lực có hạn cho các mục tiêu sử dụng khác nhau. Giúp sinh viên hiểu được hành vi và các quyết định của người tiêu dùng, nhà sản xuất; hiểu được các điều kiện, nguyên tắc hoạt động của các cấu trúc thị trường khác nhau; và những vấn đề cơ bản về thị trường các yếu tố của sản xuất. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức vào việc giải thích được các vấn đề mang tính thực tiễn như chi phí cơ hội, sự thay đổi cung cầu, các nguyên tắc quyết định tối ưu trong tiêu dùng và sản xuất</p>	<p>Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh</p>
Kinh tế vĩ mô I	<p>Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô để sinh viên hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản và nắm được nội dung tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của nền kinh tế.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể: Mục tiêu về kiến thức: Hiểu được nguyên lý của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố ảnh hưởng đến sản lượng, việc làm, giá cả, lãi suất, tỷ giá hối đoái, lạm phát và thất nghiệp cũng như</p>	<p>Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách</p>

	<p>nguyên lý về chu kỳ kinh tế; nắm được nội dung và có khả năng phân tích tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô mà trung tâm là chính sách tài khoá và tiền tệ đối với tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất và tỷ giá hối đoái.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Phát triển các kỹ năng phân tích kinh tế thông qua mô hình, kỹ năng tư duy logic, kỹ năng phân tích tổng thể, kỹ năng trình bày và thuyết trình các vấn đề kinh tế</p>	<p>tài khoá và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn.</p> <p>Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô</p>
Nhập môn tài chính tiền tệ	<p>Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu được những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, hệ thống tài chính và sự vận hành các khâu tài chính trong hệ thống tài chính quốc gia làm tiền đề giúp cho người học có thể đi vào nghiên cứu các học phần chuyên ngành về tài chính, ngân hàng, kinh tế, kế toán – kiểm toán, quản trị kinh doanh, kinh doanh thương mại,...; vận dụng kiến thức đã học để phát hiện, giải thích, phân tích, đánh giá các vấn đề tài chính - tiền tệ; hình thành kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; có thái độ nghiêm túc, làm việc tích cực, tinh thần tự học trong thực hiện các nhiệm vụ của học phần</p>	<p>Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia</p>
Định giá tài sản	<p>Sau khi học xong học phần, người học nắm bắt và vận dụng được các kiến thức lý thuyết cơ bản, chuyên sâu và kiến thức thực tế về định giá tài sản và xác định giá trị doanh nghiệp; rèn luyện các kỹ năng, phương pháp giải quyết vấn đề, năng lực tự chủ, thái độ chuyên nghiệp trong định giá tài sản và xác định giá trị doanh nghiệp.</p>	<p>Học phần đề cập đến các vấn đề chung về định giá tài sản trong nền kinh tế thị trường trên các khía cạnh khái niệm định giá tài sản, đối tượng của định giá tài sản, các nguyên tắc và quy trình chung trong định giá tài sản. Trên cơ sở đó, học phần đề cập đến các nội dung ứng dụng các nguyên tắc và sử dụng các phương pháp cụ thể để định giá bất động sản, định giá máy móc thiết bị, định giá tài sản vô hình và xác định giá trị doanh nghiệp.</p>
Học máy	<p>Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về quy trình xây dựng hệ thống học máy; các bài toán điển hình trong học máy; các thuật toán cơ bản và hiện đại để giải quyết các bài toán đó. Đồng thời, người học được hướng dẫn sử dụng phần mềm Python với các thư viện học máy thông dụng để giải quyết các bài toán trên.</p>	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng về quy trình xây dựng một hệ thống machine learning. Các nội dung kiến thức bao gồm giới thiệu các bài toán điển hình trong học máy (hồi quy, phân lớp, gồm cụm) cùng các thuật toán cổ điển và hiện đại giải quyết các bài toán đó (hồi quy tuyến tính, k- Nearest Neighbors, cây quyết định, Support Vector Machines, K-Means, mạng Nơ ron nhân tạo, ...).</p>

<p>Lập trình với Python</p>	<p>- Mục tiêu chung: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lập trình, nắm bắt một số nguyên tắc lập trình cơ bản với ngôn ngữ lập trình Python. Các kiến thức này là nền tảng cho các học phần khác liên quan như lập trình hướng đối tượng, hệ thống thông tin.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ CO1 (Kiến thức): Sinh viên phân tích được các kiến thức về lập trình, phân tích và mô tả thuật toán thông qua sơ đồ khối, cách thiết kế và tổ chức chương trình thông qua ngôn ngữ lập trình Python với các kiểu dữ liệu, các cấu trúc câu lệnh, cấu trúc hàm và tổ chức chương trình chính.</p> <p>+ CO2 (Kỹ năng): Sinh viên có khả năng phân tích bài toán, vận dụng kiến thức về sơ đồ khối để mô tả thuật toán và lập trình các chương trình bằng ngôn ngữ lập trình Python trên một công cụ phát triển phần mềm cụ thể, sau đó dịch, kiểm thử và chạy chương trình.</p> <p>+ CO3 (Về mức độ tự chủ và trách nhiệm): Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.</p>	<p>Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành quản trị hệ thống thông tin – định hướng nghề nghiệp. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ sở về lập trình bao gồm: thuật toán, sơ đồ khối; chương trình và ngôn ngữ lập trình; các phương pháp lập trình và kỹ thuật thiết kế chương trình, các thành phần cơ sở của ngôn ngữ lập trình (tổ chức chương trình và các cấu trúc lệnh cơ bản; các kiểu dữ liệu có cấu trúc; ...). Ngôn ngữ lập trình Python sẽ được sử dụng làm phương tiện để trình bày.</p>
<p>Sáng tạo và thiết kế nội dung</p>	<p>-Mục tiêu chung: Nắm vững những lý thuyết cơ bản về sáng tạo và thiết kế nội dung, có năng lực thực tiễn triển khai, tập trung vào các hoạt động trong quá trình sáng tạo và thiết kế nội dung nhằm hướng tới các đối tượng công chúng qua các phương tiện truyền thông marketing nhằm hỗ trợ đắc lực nhất cho hoạt động marketing số của doanh nghiệp nhằm khai thác các cơ hội của thị trường.</p> <p>-Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ CO1: Cung cấp cho người học nền tảng lý thuyết, phương pháp tư duy hệ thống, tính năng động, tính sáng tạo và hiệu quả mục tiêu của sáng tạo nội dung trong marketing nhằm đạt được các mục tiêu marketing số của doanh nghiệp.</p> <p>+ CO2: Cung cấp cơ sở lý thuyết nền tảng về quy trình và phương thức sáng tạo, thiết kế nội dung trên cơ sở phân tích dữ liệu khách hàng, triển khai trên các phương tiện số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động marketing số của tổ chức.</p> <p>+ CO3: Trang bị các phương pháp và kỹ năng trong hoạch định, thực thi và kiểm tra một cách có hiệu lực quy trình sáng tạo và thiết kế nội dung trên các phương tiện số nhằm thu hút đối tượng nhận tin. Phát triển cho người học phương</p>	<p>Học phần tập trung nghiên cứu các nội dung của sáng tạo nội dung trong hoạt động marketing với các phương tiện số về quy trình và phương thức sáng tạo nội dung nhằm hướng tới đáp ứng nhu cầu và đặc điểm của khách hàng, và nghiên cứu thiết kế các nội dung cho có sức thu hút cao với các đối tượng khách hàng và các đối tượng có liên quan trong hoạt động marketing số của đơn vị.</p>

	<p>pháp và kỹ năng nghiên cứu, phân tích dữ liệu khách hàng và vận dụng vào quá trình sáng tạo và thiết kế nội dung cho các công cụ và phương tiện.</p> <p>+ CO4: Hình thành nhận thức và quan điểm đúng đắn về ý nghĩa, tầm quan trọng của sáng tạo và thiết kế nội dung trong hoạt động marketing số. Hình thành ý thức tìm hiểu, cập nhật và vận dụng kiến thức về marketing số trong hoạt động thực tiễn của chính bản thân.</p>	
Quản lý tài sản trí tuệ	<p>Học phần giúp người học nắm chắc được kiến thức cả ở tầm chiến lược và thực tiễn triển khai liên quan đến các vấn đề về nhận diện và quản lý quá trình hình thành các tài sản trí tuệ; quản lý các quyền (sở hữu, sử dụng và quản lý) đối với các tài sản trí tuệ; quản lý quá trình khai thác và phát triển các tài sản trí tuệ. Học phần cũng giúp người học phát triển các kỹ năng phân tích các tình huống trong những điều kiện khác nhau để đưa ra mô hình quản lý tối ưu các tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp và các tổ chức.</p>	<p>: Đây là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ chuyên ngành, cung cấp những kiến thức căn bản về quản lý các tài sản trí tuệ trên cả 2 phạm trù là quản lý nhà nước và quản trị trong các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu khoa học như các trường đại học, các viện nghiên cứu...</p> <p>Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần bao gồm: Khái quát chung về tài sản trí tuệ và các quyền đối với tài sản trí tuệ; Nhận diện và phân định các loại tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp, tổ chức; Các quy định pháp lý về các đối tượng sở hữu trí tuệ và những vấn đề cơ bản Quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; Nguồn vốn trí tuệ và quản lý quá trình hình thành các tài sản trí tuệ; Quản lý và xác lập các quyền đối với các tài sản trí tuệ (như quyền tài sản, quyền nhân thân, quyền sử dụng và quyền quản lý); Quản lý quá trình sử dụng, khai thác và phát triển các tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp, tổ chức; Định giá và chuyển giao các tài sản trí tuệ của tổ chức doanh nghiệp.</p>
Các công cụ trực quan hóa dữ liệu	<p>- Mục tiêu chung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về trực quan hóa dữ liệu bằng Power BI.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ CO1 (Kiến thức): Cung cấp kiến thức về trực quan hóa dữ liệu nói chung và cách thức tổ chức dữ liệu trên các biểu đồ nói riêng để sinh viên có thể tạo ra các biểu đồ hoặc dashboard biểu diễn dữ liệu một cách trực quan.</p> <p>+ CO2 (Kỹ năng): Sử dụng một công cụ biểu diễn trực quan dữ liệu để nhằm mục đích</p>	<p>Học phần sẽ cung cấp từ các kiến thức và các kỹ năng thực hành cơ bản đến các kiến thức chuyên sâu hơn trong việc trực quan hóa dữ liệu với công cụ cụ thể ví dụ như Tableau. Chương trình được giảng dạy theo phương pháp thực hành, trong đó sinh viên sẽ được cung cấp hệ thống bài tập thực hành và trực tiếp ứng dụng các kiến thức về trực quan hóa dữ liệu nhằm giải các bài tập từ cơ bản đến nâng cao dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên sẽ thực hành các cách kết nối dữ liệu từ nhiều</p>

	<p>phân tích dữ liệu cho các bài toán quản lý trong kinh tế.</p> <p>+ CO3 (Về mức độ tự chủ và trách nhiệm): Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.</p>	<p>nguồn khác nhau, biểu diễn dữ liệu với các biểu đồ và phân tích dữ liệu thông qua việc xây dựng các dashboard.</p>
<p>Quản trị đổi mới sáng tạo</p>	<p>Học phần Quản trị đổi mới sáng tạo cung cấp cho người học tư duy, kiến thức và kỹ năng quản trị đổi mới sáng tạo để có thể phân tích đánh giá và có giải pháp phát triển hoạt động đổi mới sáng tạo trong thực tiễn kinh doanh góp phần tạo dựng lợi thế cạnh tranh và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Học phần cũng giúp người học phát triển thái độ làm việc tích cực, có ý thức phấn đấu, hợp tác; có khả năng làm việc khoa học, độc lập, chủ động và có trách nhiệm.</p>	<p>Học phần Quản trị đổi mới sáng tạo gồm 5 Chương. Chương 1 đưa ra các kiến thức tổng quan về Quản trị đổi mới sáng tạo bao gồm các khái niệm cơ bản, vai trò, phân loại đổi mới sáng tạo và quy trình đổi mới sáng tạo. Chương 2 giới thiệu nội dung đầu tiên trong quy trình quản trị đổi mới sáng tạo đó là phân tích môi trường và tìm kiếm cơ hội và nguồn cho đổi mới sáng tạo. Chương 3 tập trung vào nội dung thứ 2 của quy trình đổi mới sáng tạo đó là lựa chọn định hướng đổi mới sáng tạo, Chương 4 là nội dung thứ 3 của quy trình quản trị đổi mới sáng tạo đó là triển khai. Và cuối cùng chương 5 cung cấp kiến thức về nội dung và các tiêu chí đánh giá hiệu suất quản trị đổi mới sáng tạo.</p>
<p>Chính phủ điện tử</p>	<p>- Mục tiêu chung: Trang bị cho sinh viên chuyên ngành quản trị thương mại điện tử những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, một phương thức quản trị nhà nước hiện đại được quan tâm triển khai ứng dụng trên thế giới và tại Việt Nam.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ Về kiến thức: giúp sinh viên hiểu rõ ý nghĩa, đánh giá được sự cần thiết và khả năng ứng dụng chính phủ điện tử, nội hàm của chính phủ điện tử, việc ứng dụng chính phủ điện tử trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và các tổ chức công.</p> <p>+ Về kỹ năng: Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng ban đầu về phân tích, đánh giá các hoạt động chính phủ điện tử nhằm tìm ra các giải pháp đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng chính phủ điện tử tại các cơ quan nhà nước, các tổ chức công, cũng như hoàn thiện các tương tác doanh nghiệp- nhà nước.</p> <p>+ Về thái độ: Có thái độ chuyên cần ham học hỏi, say mê học tập biết kết hợp nghe giảng trên lớp với tự nghiên cứu, gắn kết lý thuyết với thực tiễn và những trải nghiệm từ thực tế để hoàn thành tốt môn học.</p>	<p>Là học phần bắt buộc thuộc bộ phận kiến thức chuyên ngành quản trị thương mại điện tử. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, bao gồm: những vấn đề chung về chính phủ điện tử, công nghệ chính phủ điện tử, các ứng dụng chính của chính phủ điện tử trong quản lý nhà nước, cung ứng các dịch vụ công và mua sắm công, xây dựng, triển khai chính phủ điện tử và một số vấn đề khác trong chính phủ điện tử.</p>

Luật sở hữu trí tuệ	Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng đáp ứng thực hiện công việc liên quan đến pháp luật trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.	Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân trong xã hội, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan; về quyền sở hữu công nghiệp; về quyền đối với giống cây trồng; về vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và giải quyết tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.
Cơ sở dữ liệu	<p>- Mục tiêu chung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và các kỹ năng cần thiết về tổ chức cơ sở dữ liệu trên máy tính.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ CO1 (Kiến thức): Sinh viên nắm được các kiến thức về cơ sở dữ liệu như các mô hình dữ liệu, thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ, ngôn ngữ cơ bản ban đầu khai thác cơ sở dữ liệu (CSDL) quan hệ và nhận thức được vai trò và sự cần thiết của hệ thống quản lý dữ liệu đối với một tổ chức kinh tế xã hội.</p> <p>+ CO2 (Kỹ năng): Sinh viên biết tổ chức và thiết kế cơ sở dữ liệu theo nhu cầu kinh doanh của doanh nghiệp như xây dựng các thực thể, quan hệ, tạo lập, và khai thác CSDL sử dụng truy vấn cơ bản trong một hệ cơ sở dữ liệu cụ thể.</p> <p>+ CO3 (Thái độ): Có tinh thần lao động say mê, sáng tạo, lòng yêu nghề; ý thức tự giác, nhiệt tình trong công việc; có ý thức chấp hành nội quy, quy chế của tổ chức và pháp luật nhà nước.</p>	Đây là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành. Để nắm được nội dung của học phần này, sinh viên nên (không bắt buộc) học trước học phần Tin học quản lý hoặc Tin học quản lý 1. Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu và các vấn đề liên quan đến cơ sở dữ liệu như các loại mô hình dữ liệu, chuẩn hoá dữ liệu, ngôn ngữ khai thác cơ sở dữ liệu quan hệ. Cơ sở lý thuyết của mô hình dữ liệu quan hệ cũng được đề cập đến.
Truyền thông kinh doanh	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về truyền thông kinh doanh như : dữ liệu, thông tin, thông tin kinh doanh, các nguyên tắc và các công cụ truyền thông. Ngoài ra, học phần cũng giúp người học nắm được các loại hình truyền thông khác nhau, biết cách áp dụng những nguyên tắc truyền thông trong các hoàn cảnh khác nhau, ứng dụng các kiến thức đã học để thực hiện các dự án truyền thông, biết cách giải quyết các khủng hoảng gặp phải trong truyền thông.	Học phần thuộc khối kiến thức ngành cung cấp kiến thức tổng quan về truyền thông kinh doanh. Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về truyền thông kinh doanh, các nguyên tắc truyền thông và tầm quan trọng của truyền thông... Học phần cũng giúp sinh viên phân biệt các loại hình truyền thông khác nhau, từ đó sinh viên có thể lựa chọn loại hình truyền thông phù hợp trong từng hoàn cảnh cụ thể. Bên cạnh đó, học phần cũng trang bị các kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể thực hiện được các dự án truyền thông cho các tổ chức, doanh nghiệp hoặc bản thân mình.
Quản trị tài chính 1	Học phần Quản trị tài chính 1 nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về	Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính:

	quản trị tài chính doanh nghiệp, giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống quản trị tài chính doanh nghiệp ở cấp độ tác nghiệp cơ bản	Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn
Quản trị ngân hàng thương mại 1	Mục tiêu chung: sau khi kết thúc học phần, người học nắm vững kiến thức cơ bản, phương pháp và kỹ năng quản trị các hoạt động kinh doanh theo chức năng chính của NHTM; có năng lực tự chủ và trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, tích cực trong giải quyết tình huống tác nghiệp trong thực tiễn.	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị vốn chủ sở hữu, vốn tiền gửi và vốn phi tiền gửi; quản trị kết hợp tài sản - nợ và khả năng thanh khoản; quản trị hoạt động cho vay và quản trị dịch vụ thanh toán của NHTM.
Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng	Học phần Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng (NBFIs), giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng (NBFIs) ở cấp độ tác nghiệp	Nội dung của học phần Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về các tổ chức tài chính phi ngân hàng; Quản trị huy động vốn; Quản trị sử dụng vốn; Phân tích kết quả tài chính và Quản trị rủi ro của các tổ chức tài chính phi ngân hàng
Quản trị tài chính 2 (BCTT)	Học phần Quản trị tài chính 2 (BCTT) nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu gắn với kinh nghiệm thực tế về quản trị tài chính doanh nghiệp, giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống quản trị tài chính doanh nghiệp ở cấp độ tác nghiệp chuyên sâu.	Nội dung của học phần Quản trị tài chính 2 (BCTT) bao gồm các chủ đề chính: Định giá trong quản trị tài chính; Rủi ro và lợi nhuận; Phân tích dòng vốn và lập kế hoạch tài chính; Đòn bẩy hoạt động và đòn bẩy tài chính; Quyết định cấu trúc vốn; Chính sách cổ tức và Quản trị tài chính trong một số bối cảnh đặc biệt và Bài học kinh nghiệm thực tế quản trị tài chính
Quản trị ngân hàng thương mại 2	Sau khi kết thúc học phần, người học nắm vững kiến thức, có phương pháp và kỹ năng tác nghiệp trong định giá dịch vụ NHTM, quản trị hoạt động cho thuê, quản trị hoạt động kinh doanh khác, quản trị rủi ro trong kinh doanh của NHTM; Người học có năng lực tự chủ và trách nhiệm, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc thực tế.	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị cho thuê và đầu tư tài chính; quản trị kinh doanh ngoại hối, bảo lãnh, tư vấn, ủy thác; quản trị rủi ro; định giá dịch vụ ngân hàng và phân tích, đánh giá và xếp hạng NHTM.
Tiền mã hóa	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức lý thuyết cơ bản, chuyên sâu và kiến thức thực tế về tiền mã hóa; giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các vấn đề và tình huống liên quan khi tiếp cận và ứng dụng tiền mã hóa.	Học phần đề cập đến các chủ đề, kết hợp lý thuyết và thực hành cần thiết để nắm bắt được kiến thức cơ bản về tiền mã hóa và thị trường tiền mã hóa. Nội dung chính bao gồm: Những vấn đề cơ bản về blockchain, tiền và tiền mã hóa; lợi ích và rủi ro của tiền mã hóa trong thời đại mới; các quy định pháp lý liên quan đến phát triển tiền mã hóa; tiền mã hóa của ngân hàng trung ương, thị

		trường tiền mã hóa và đầu tư tiền mã hóa
Ngân hàng số	Học phần ngân hàng số học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngân hàng số từ đó đa dạng hoá sự hiểu biết của sinh viên về các mô hình kinh doanh của ngân hàng, hiện đại của ngân hàng trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Trên cơ sở đó sinh viên có thể nhận biết, so sánh mô hình kinh doanh truyền thống và mô hình kinh doanh hiện đại, đồng thời tích lũy các kỹ năng cần thiết để phù hợp với những yêu cầu mới của nghề nghiệp	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản, đặc trưng về ngân hàng số-mô hình kinh doanh hiện đại của ngân hàng trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 cụ thể là: các quan điểm về ngân hàng số, các mô hình ngân hàng số, bộ máy tổ chức ngân hàng số đặc điểm hoạt động của ngân hàng số, yêu cầu về bảo mật của ngân hàng số... Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp các kiến thức cơ bản về các giai đoạn “chuyển đổi số” của ngân hàng, ứng dụng các công nghệ tài chính trong hoạt động của ngân hàng số, các sản phẩm của ngân hàng số, mô hình quản trị và giám sát rủi ro của ngân hàng số. Thông qua những kiến thức trên, học phần này cũng giúp sinh viên có khả năng nhận dạng, phân tích hoạt động của ngân hàng số trong môi trường thực tế.
Công nghệ bảo hiểm	Học phần Bảo hiểm công nghệ (Bảo hiểm số) nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị rủi ro và kinh doanh bảo hiểm có sử dụng công nghệ IT, giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống thực tế trong lĩnh vực bảo hiểm công nghệ (bảo hiểm số) ở cấp độ tác nghiệp.	Nội dung chính của học phần Công nghệ bảo hiểm bao gồm các chủ đề Tổng quan về công nghệ bảo hiểm; Hợp đồng bảo hiểm số; Mô hình kinh doanh công nghệ bảo hiểm; Các sản phẩm công nghệ bảo hiểm; Quản trị rủi ro trong kinh doanh công nghệ bảo hiểm
Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	- Mục tiêu chung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về trí tuệ nhân tạo để tăng sự hiểu biết về chuyên đổi số trong doanh nghiệp. - Mục tiêu cụ thể: + CO1 (Kiến thức): Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về trí tuệ nhân tạo (TTNT), các kỹ thuật cơ bản trong trí tuệ nhân tạo bao gồm học máy, học sâu, dữ liệu lớn (Big data),... Sinh viên nắm được tiềm năng, thách thức và phương pháp vận dụng TTNT trong hoạt động kinh doanh. + CO2 (Kỹ năng): Sinh viên có khả năng vận dụng một số công nghệ của trí tuệ nhân tạo để phân tích dữ liệu kinh doanh và ứng dụng vào trong thiết kế quy trình kinh doanh thực tế. + CO3 (Về mức độ tự chủ và trách nhiệm): Sinh viên có tinh thần lao động say mê, sáng tạo; ý thức tự giác, nhiệt tình trong công việc; có ý thức trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.	Là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản của sinh viên đại học. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của TTNT và ứng dụng của nó trong kinh doanh. Cụ thể là: các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, cách thức tổ chức và quản lý dữ liệu lớn, các công nghệ sử dụng và một số công cụ trong trí tuệ nhân tạo, và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau.

Thuế	Sau khi học xong học phần, người học hiểu và nắm bắt được các kiến thức lý thuyết cơ bản và chuyên sâu của thuế và hệ thống thuế Việt Nam; vận dụng được các kiến thức để tính toán được tiền thuế phải nộp, xử lý được các vấn đề đặt ra trong từng tình huống thuế; nâng cao ý thức tuân thủ thuế, hình thành kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ của học phần	Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về thuế như khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế, các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế, hệ thống thuế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, học phần đề cập các nội dung cơ bản của các sắc thuế thông dụng hiện hành của Việt Nam như: thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu các nội dung cơ bản của các loại thuế khác
Thị trường chứng khoán	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán (TTCK), hoạt động giao dịch trên TTCK, đăng kí và lưu kí chứng khoán, hoạt động giao dịch TTCK; kỹ năng làm việc nhóm, rèn luyện năng lực nghiên cứu phân tích chứng khoán và TTCK ra quyết định đầu tư; có lòng yêu nghề và có năng lực tự chủ và trách nhiệm, khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc thực tế trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu kí, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà nước đối với TTCK
Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng	Học phần Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng (NBFIs), giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng (NBFIs) ở cấp độ tác nghiệp.	
Bảo hiểm	Học phần Bảo hiểm nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị rủi ro và kinh doanh bảo hiểm, giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống thực tế trong lĩnh vực bảo hiểm ở cấp độ tác nghiệp	Nội dung của học phần Bảo hiểm bao gồm các chủ đề nghiên cứu chính: Tổng quan về bảo hiểm; Bảo hiểm an sinh xã hội; Bảo hiểm thương mại; Bảo hiểm con người; Bảo hiểm hàng hóa và bảo hiểm hòa hoạn; Bảo hiểm vật chất phương tiện vận tải; Bảo hiểm trách nhiệm
Tài chính vi mô	Sau khi kết thúc học phần người học được trang bị những kiến thức cơ bản về tài chính vi mô, hoạt động của tổ chức tài chính vi mô; người học vận dụng kiến thức trong thực hiện nghiệp vụ kinh doanh tại tổ chức tài chính vi mô; Người học có năng lực tự chủ và trách nhiệm, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc thực tế	Học phần trình bày khái quát về sự hình thành, phát triển cũng như những đặc trưng, vai trò của hoạt động tài chính vi mô, giới thiệu về tổ chức tài chính vi mô với những nội dung cụ thể về mô hình tổ chức, chức năng và các hoạt động của tổ chức tài chính vi mô như: hoạt động cho vay, hoạt động huy động vốn, hoạt động bảo hiểm... Mặt khác, học phần cũng cung cấp các kiến thức về các nguyên lý và kỹ thuật trong phân

		tích, đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức tài chính vi mô
Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu	Sau khi kết thúc học phần, người học nắm vững kiến thức cơ bản và thực tiễn hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu; Rèn luyện kỹ năng phân tích, xử lý tình huống trong hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu; Người học có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thái độ tích cực trong triển khai các nghiệp vụ thanh toán và tài trợ xuất nhập khẩu tại các NHTM và doanh nghiệp xuất nhập khẩu	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu bao gồm: phương tiện thanh toán quốc tế và điều kiện thanh toán quốc tế, phương thức thanh toán quốc tế và các hình thức tài trợ xuất nhập khẩu
Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	Học phần Quản trị tài chính công ty đa quốc gia nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống quản trị tài chính công ty đa quốc gia.	Nội dung của học phần Quản trị tài chính công ty đa quốc gia bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính công ty đa quốc gia; Quản trị rủi ro hối đoái; Quản trị tài sản ngắn hạn; Quản trị tài trợ ngắn hạn; Quyết định đầu tư trực tiếp nước ngoài; Chi phí vốn và kết cấu vốn của công ty đa quốc gia; Quản trị tài trợ dài hạn; Môi trường thuế quốc tế và tác động tới chính sách của công ty đa quốc gia
Tài chính quốc tế	Sau khi kết thúc học phần, người học có kiến thức cơ bản về các quan hệ tài chính quốc tế; Hiểu biết cơ sở pháp lý trong hoạt động tài chính quốc tế, vận dụng kiến thức trong phân tích, đánh giá, ra quyết định phòng ngừa rủi ro hối đoái, kinh doanh ngoại hối, đầu tư quốc tế và lựa chọn nguồn tài trợ; có năng lực tự chủ và trách nhiệm, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc thực tế	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động tài chính diễn ra trên bình diện quốc tế, các định chế tài chính quốc tế, các giao dịch trên thị trường ngoại hối và chính sách điều hành tỉ giá hối đoái, các hoạt động thanh toán, đầu tư, tín dụng và hỗ trợ phát triển chính thức, liên minh thuế quan giữa các quốc gia và cán cân thanh toán quốc tế
Tài chính công	Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu được những kiến thức cơ bản về tài chính công, hệ thống ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính ngoài ngân sách và tài sản công; vận dụng kiến thức đã học để phát hiện, giải thích, phân tích, đánh giá các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính công, tính toán được tỉ lệ điều tiết ngân sách nhà nước; tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, năng lực tự chủ và trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, tích cực trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính công.	Học phần giới thiệu các vấn đề cơ bản về hoạt động tài chính ở khu vực công với các nội dung chủ yếu như: các đặc trưng cơ bản và kết cấu tài chính công, chức năng, vai trò và nguyên tắc hoạt động của tài chính công; quản lý tài chính công; chính sách tài chính công; về thu nhập công và chi tiêu công; tổ chức hoạt động của hệ thống Ngân sách nhà nước, tín dụng Nhà nước; nợ công; hoạt động của các quỹ tài chính công ngoài Ngân sách Nhà nước.
Phân tích dữ liệu lớn	Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về các phương pháp và công cụ phân tích dữ liệu lớn trên các nền tảng Hadoop, Spark, Cassandra và các hệ sinh thái liên quan. Người học được cung cấp kỹ năng thực hành các công cụ phân	Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về các phương pháp và công cụ phân tích, khai phá dữ liệu lớn. Các nội dung kiến thức tập trung vào các nền tảng Hadoop, Spark, Cassandra và các

	<p>tích với công cụ hiện đại và vận dụng trong một số vấn đề phân tích kinh doanh.</p>	<p>hệ sinh thái liên quan trên nền tảng ngôn ngữ lập trình Python. Các bài tập thực hành tập trung vào ứng dụng các nền tảng để lưu trữ, phân tích và rút trích thông tin từ các tập dữ liệu lớn trong phân tích kinh doanh.</p>
<p>Khai phá dữ liệu trong kinh doanh</p>	<p>- Mục tiêu chung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về khai phá thông tin từ các dữ liệu kinh doanh của doanh nghiệp. - Mục tiêu cụ thể: + CO1 (Kiến thức): Sinh viên phân tích được các thông tin thông qua các công cụ khai phá như cây quyết định; luật kết hợp, hồi quy tuyến tính, hoặc công cụ kinh doanh thông minh BI (Business Intelligence). + CO2 (Kỹ năng): Sinh viên có khả năng vận dụng một số công cụ khai phá dữ liệu để rút trích thông tin, tạo ra các báo cáo đa chiều, dự báo thông tin kinh doanh,.. + CO3 (Về mức độ tự chủ và trách nhiệm): Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.</p>	<p>Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành quản trị hệ thống thông tin. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản của quá trình khai phá dữ liệu với các công cụ của Business Intelligence.</p>
<p>An toàn và bảo mật thông tin</p>	<p>- Mục tiêu chung: Trang bị các kiến thức căn bản về các chính sách và giải pháp đảm bảo an toàn bảo mật thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước. Giới thiệu một số công nghệ và giải pháp cập nhật trong đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin trong không gian mạng Internet. - Mục tiêu cụ thể: Cung cấp những kiến thức căn về chính sách và các quy trình nhằm đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho các hệ thống thông tin của tổ chức, doanh nghiệp. Cung cấp các phương pháp, quy trình trong phát hiện, phân loại, đánh giá các nguy cơ mất an toàn thông tin trong các hệ thống thông tin và trên không gian mạng Internet. Trang bị kiến thức để lựa chọn, đánh giá tính khả thi và thực hiện các giải pháp phòng tránh và phục hồi thông tin cho các hệ thống thông tin và người dùng cá nhân.</p>	<p>Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng lựa chọn các chính sách và giải pháp đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho hệ thống thông tin của tổ chức, doanh nghiệp. Học phần giới thiệu các khái niệm liên quan đến an toàn và bảo mật thông tin trong doanh nghiệp, đi sâu vào các hình thức tấn công, các phương pháp phòng tránh, một số cách thức phục hồi sự cố khi hệ thống thông tin của doanh nghiệp gặp rủi ro. Ngoài ra, học phần cũng đưa ra quy trình nhằm đánh giá rủi ro của hệ thống thông tin doanh nghiệp và một số ứng dụng để nâng cao độ an toàn, tính bảo mật cho các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp.</p>
<p>Các hệ thống thông tin và quy trình kinh doanh</p>	<p>- Mục tiêu chung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các hệ thống thông tin và các quy trình kinh doanh trong doanh nghiệp. - Mục tiêu cụ thể: + CO1 (Kiến thức): Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về quy trình kinh doanh và hệ thống</p>	<p>Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị hệ thống thông tin. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản của hệ thống thông tin doanh nghiệp và các vấn đề liên quan đến mối quan hệ giữa quy trình kinh</p>

	<p>thông tin cơ bản như: hệ thống mua; hệ thống bán hàng; hệ thống sản xuất;....</p> <p>+ CO2 (Kỹ năng): Sinh viên biết cách sử dụng một số hệ thống thông tin cơ bản như: hệ thống mua hàng; hệ thống bán hàng; hệ thống quản lý kho hàng,....</p> <p>+ CO3 (Về mức độ tự chủ và trách nhiệm): Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.</p>	doanh và các hệ thống thông tin doanh nghiệp.
Quản trị kênh phân phối	<p>Mục tiêu chung:</p> <p>Kênh phân phối với tư cách là toàn bộ đầu ra, là khâu kết nối với thị trường của các doanh nghiệp đầu mối trong một chuỗi cung ứng sản phẩm. Học phần Quản trị kênh phân phối được tiếp cận theo góc độ chiến lược nhằm thống nhất với cấu trúc lý thuyết quản trị chuỗi cung ứng hiện nay. Mục tiêu cung cấp những kiến thức cơ bản về kênh phân phối và quá trình quản trị chiến lược kênh phân phối tại một doanh nghiệp đầu mối trong chuỗi cung ứng sản phẩm.</p> <p>Mục tiêu cụ thể</p> <p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bản chất, cấu trúc và nội dung của kênh phân phối nắm các quá trình cơ bản chiến lược kênh phân phối. Kiến thức về quản trị kênh phân phối</p> <p>Có kỹ năng vận dụng lý thuyết để phân tích, hoạch định và quản lý các chiến lược kênh phân phối tại một doanh nghiệp đầu mối trong chuỗi cung ứng thực tế.</p> <p>Có khả năng chủ động về chuyên môn, thiết kế các hoạt động quản trị chiến lược kênh phân phối. Sinh viên cần có ý thức phấn đấu vươn lên trở thành nhà quản trị giỏi, làm chủ các yêu cầu về quản lý, điều hành và phát triển tốt các mối quan hệ giữa các thành viên kênh phân phối.</p>	<p>Học phần quản trị kênh phân phối là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp các kiến thức lý luận và thực tiễn về quản trị chiến lược kênh phân phối gắn với một doanh nghiệp đầu mối trong chuỗi cung ứng hiện đại. Học phần trang bị những kiến thức nền tảng như vị trí, vai trò, đặc tính và chức năng của kênh phân phối trong chuỗi cung ứng. Từ đó trình bày khung lý luận cơ bản về quản trị chiến lược kênh phân phối tại một doanh nghiệp đầu mối theo trình tự: Phân tích môi trường, thiết kế cấu trúc, lựa chọn chiến lược và quản lý chiến lược kênh phân phối. Đây là khung khổ cốt lõi để có được các chiến lược kênh phân phối thích nghi với thị trường và chuỗi cung ứng của một doanh nghiệp. Học phần cũng đề cập tới cấu trúc và chiến lược kênh phân phối của các loại hình doanh nghiệp đầu mối cơ bản trong chuỗi cung ứng như bán lẻ, bán buôn và hình thức nhượng quyền, giúp người học có cái nhìn toàn diện và linh hoạt khi tiếp cận các tình huống chiến lược kênh phân phối trong thực tế.</p>
Tài chính khởi nghiệp	<p>Học phần Tài chính khởi nghiệp nhằm cung cấp cho người học kiến thức, phương pháp và tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, tích cực trong giải quyết các vấn đề cơ bản về tài chính khởi nghiệp.</p>	<p>Nội dung của học phần Tài chính khởi nghiệp bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về tài chính khởi nghiệp; Phân tích tài chính khởi nghiệp; Quản lý tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp khởi nghiệp; Định giá khởi nghiệp; Quản lý tài trợ khởi nghiệp.</p>
Quản trị thương hiệu điện tử	<p>Học phần cung cấp cho người học có được kiến thức chuyên sâu về quản trị thương hiệu số (thương hiệu điện tử) tiếp cận cả trên góc độ tư duy chiến lược và thực tiễn triển khai. Từ đó giúp người học có được những kỹ năng cần thiết trong hoạt động quản trị, thiết kế, bảo vệ, truyền</p>	<p>Đây là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ chuyên ngành, cung cấp những kiến thức mở rộng và chuyên sâu về quản trị thương hiệu tương tác online (internet và mobile) theo tiếp cận tư duy chiến lược, đáp ứng xu hướng phát</p>

	thông, phát triển và khai thác thương hiệu trên môi trường số.	triển mạnh mẽ của thương mại điện tử. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận hiện đại về thương hiệu điện tử, các nội dung và quy trình xây dựng thương hiệu, các biện pháp bảo vệ và xử lý khủng hoảng thương hiệu trên internet và mạng di động.
--	--	--